

# THỰC TRẠNG ĐỌC CỦA SINH VIÊN KHOA CÔNG TÁC XÃ HỘI, HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

NGUYỄN PHƯƠNG ANH, PHẠM THỊ NGỌC HÀ\*

**Tóm tắt:** Đọc có một ý nghĩa quan trọng với sinh viên nói chung và với sinh viên khoa Công tác xã hội (CTXH) nói riêng. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên “Thực trạng đọc của sinh viên (nghiên cứu trường hợp sinh viên khoa CTXH, Học viện Phụ nữ Việt Nam)”. Khảo sát được thực hiện với 120 sinh viên khoa Công tác xã hội bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng không tỉ lệ. Khảo sát tìm hiểu thực trạng đọc của sinh viên khoa CTXH về các khía cạnh, tần suất đọc, thời gian đọc trung bình/ngày, thời điểm đọc, dạng sách/tài liệu, địa điểm đọc và nguồn đọc. Kết quả nghiên cứu cho thấy có nhiều sinh viên khoa CTXH đã quan tâm đến việc đọc, 41,7% sinh viên đọc hàng ngày và khoảng 2/3 sinh viên dành trên 30 phút/ngày để đọc. Về thời điểm đọc, chủ yếu các sinh viên đọc vào buổi tối do vậy địa điểm đọc phổ biến nhất của sinh viên là nhà/phòng trọ/kí túc xá. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, tỉ lệ sinh viên đọc tài liệu ở dạng điện tử cao hơn gấp 2,5 lần so với số sinh viên thường đọc ở dạng in ấn và nguồn đọc chủ yếu của sinh viên là internet. Trên cơ sở những kết quả của khảo sát, nhóm tác giả đã trình bày một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả đọc cho sinh viên.

**Từ khóa:** Đọc, thực trạng đọc, sinh viên, thực trạng đọc của sinh viên

**Abstract:** Reading is very important to university students, including Social Work students of the Vietnam Women’s Academy. This article summarises the findings of a study named “Reading habits of university students, case study of Social Work students of the Vietnam Women’s Academy”. 120 students from the faculty of Social Work were selected randomly using multistage random sampling technique. This study investigates reading habits among Social Work students such as reading frequency, average time for reading per day, when to read, types of reading materials, reading places and reading resources. It is noted that 41,7% of students read every day and around two third read for more than thirty minutes a day. The majority (65%) read in the evenings. The most of respondents choose house/dormitory as popular reading place. The results also state that the percentage of respondents reading e-materials is 2,5 times higher than those who read printed materials and their reading resources are from the internet. Base on the findings, the authors propose some solutions to encourage students to read more regularly.

**Keyword:** Reading, university students, reading habits of university students

---

\* Sinh viên K4, Khoa CTXH, Học viện Phụ nữ Việt Nam

## 1. Mở đầu

Việc đọc có một ý nghĩa quan trọng với sinh viên nói chung và sinh viên khoa Công tác xã hội nói riêng. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chương trình giáo dục, việc đọc có vai trò quan trọng như một kỹ năng nền tảng (Kirsch, 2002). Trong quá trình đọc, sinh viên thường xuyên phải tư duy, tưởng tượng, phân tích, phán đoán, sáng tạo, những điều đó đã giúp sinh viên phát triển tư duy phê phán và kỹ năng giải quyết vấn đề (Igwe, 2011). Đọc cũng giúp sinh viên phát triển khả năng giao tiếp bằng lời nói (Kutay, 2014). Với các sinh viên Khoa Công tác xã hội, việc đọc rất cần thiết. Công tác xã hội là một ngành khoa học ứng dụng trợ giúp con người, nhân viên Công tác xã hội cần có kiến thức tổng hợp từ nhiều ngành khoa học như Tâm lý học, Xã hội học, Luật học, Kinh tế học, Nhân học, Tôn giáo, ... Xã hội không ngừng vận động và phát triển, các kiến thức vì vậy cũng có những thay đổi. Điều đó đòi hỏi các sinh viên Công tác xã hội phải tự học, tự đọc, tự cập nhật kiến thức mới để chuẩn bị tốt cho công việc trong tương lai. Đây đồng thời cũng là trách nhiệm của nhân viên Công tác xã hội đã được quy định trong quy chuẩn đạo đức nghề Công tác xã hội. Việc đọc đóng một vai trò quan trọng như vậy nhưng thực tế cho thấy, sinh viên khoa Công tác xã hội chưa quan tâm đến việc đọc và chưa có thói quen đọc tốt.

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1. Lý thuyết sử dụng

Để thực hiện bài viết này, chúng tôi đã sử dụng quan điểm về hành động xã hội của Max Weber và Talcott Parson.

Vận dụng các thành tố của hành động xã hội theo quan điểm của Max Weber, trong đó chủ thể của hành động là sinh viên. Hành động đọc chịu tác động từ những yếu tố chủ quan (giới tính, tuổi tác, ngành học, năng lực đọc hiểu) và các yếu tố khách quan (môi trường gia đình, bạn bè, môi trường đại học), sinh viên đọc nhằm mục đích đạt kết quả học tập tốt, nâng cao kiến thức, cập nhật thông tin, giải trí... Hiểu được những thành tố trong hành động đọc giúp nhóm tác giả xác định được khung phân tích nghiên cứu, từ đó xây dựng công cụ nghiên cứu rõ ràng, mạch lạc. Bên cạnh đó, chúng tôi đã áp dụng cách lý giải hành động trực tiếp của Max Weber (thể hiện trong quá trình quan sát đặc điểm, biểu hiện của hành động) để mô tả được thực trạng đọc của sinh viên bao gồm: thời gian đọc, thời điểm đọc, địa điểm đọc, dạng tài liệu,...

Trong quan điểm về hành động xã hội của Talcott Parson, nghiên cứu sử dụng khung tham chiếu hành động. Theo Bùi Thế Cường (2007), khung tham chiếu hành động của Talcott Parson là quá trình đưa ra những quyết định mang tính chủ quan của chủ thể hành động, những quyết định này bị chi phối bởi các tình huống. Khung tham chiếu này có những yếu tố cơ bản: chủ thể hành động là những cá nhân, chủ thể theo đuổi các mục đích, chủ thể sử dụng những phương tiện khác nhau để đạt mục đích, chủ thể phải đối mặt với những hoàn cảnh tác động đến việc lựa chọn mục đích và phương tiện. Chủ thể bị điều khiển bởi các giá trị và chuẩn mực để lựa chọn mục đích và phương tiện. Khung tham chiếu hành động của Talcott Parson được sử dụng để bổ sung cho quan điểm về hành động xã hội của Max Weber.

## **2.2. Một số khái niệm**

Trong bài viết này, một số khái niệm được hiểu như sau:

### *Khái niệm “Đọc”*

Ervin (1998) định nghĩa “Đọc là quá trình tương tác giữa suy nghĩ và nội dung văn bản trong một bối cảnh cụ thể khiến sinh viên hiểu được những gì họ đọc. Vì vậy, đọc là khả năng nhận diện, xem xét các từ hoặc câu và hiểu thông tin trong các từ, các câu đó. Đọc là một quá trình nhận thức để hiểu một thông điệp ngôn ngữ bằng văn bản và để xem xét, nắm bắt ý nghĩa của các kí tự, từ, câu được viết hoặc in”.

Trong cuốn “Đại từ điển tiếng Việt” Nguyễn Quang Ý (2010): “Đọc là phát ra thành tiếng, thành lời theo bản viết có sẵn; nhìn một bản viết, bản vẽ để tiếp thu nội dung, thấu hiểu điều không lộ ra bằng mắt nhìn, quan sát”.

Định nghĩa của chương trình PISA (2012): “Đọc là khả năng nhận biết, thấu hiểu, giải thích, sáng tạo, trao đổi, tính toán và sử dụng những viết hoặc in ấn kết hợp với những bối cảnh khác nhau. Việc đọc đòi hỏi sự học hỏi liên tục cho phép một cá nhân đạt được mục đích của mình, phát triển kiến thức, tiềm năng, tham gia đầy đủ vào xã hội rộng lớn”.

Từ các khái niệm trên, trong bài viết này, khái niệm “đọc” được hiểu như sau: “Đọc là một quá trình xuất phát từ một động lực, thông qua hoạt động của tri giác để hiểu được ý nghĩa của các kí tự, các từ, các câu trong một văn bản. Mục đích cuối cùng của việc đọc là phát triển kiến thức, kĩ năng, phát triển nhân cách và tham gia vào các hoạt động xã hội”.

### *Khái niệm “Thực trạng đọc”*

Nur Ajmin Rosli (2017) quan niệm: “Thực trạng đọc mô tả hành vi đọc, được xem xét dựa trên số lượng tài liệu đọc được, tần suất đọc, thời điểm đọc và loại tài liệu.”

Theo Wagner (2002), thực trạng đọc thường được xem xét liên quan đến số lượng tài liệu đọc, tần suất đọc và thời gian trung bình dành cho việc đọc.

Trong bài viết này, thực trạng đọc được xem xét theo các khía cạnh: tần suất đọc, thời gian đọc trung bình/ngày, thời điểm đọc, địa điểm đọc, dạng tài liệu và nguồn đọc.

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

Để đánh giá thực trạng đọc của sinh viên, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

Phương pháp phân tích tài liệu nhằm tổng hợp, phân tích, đánh giá những nội dung liên quan đến thực trạng đọc, văn hóa đọc, thói quen đọc nhằm nhận diện những vấn đề đã được tập trung nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, những khoảng trống, từ đó gợi mở phương hướng và cách thức nghiên cứu.

Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi được thực hiện với mẫu là 120 sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Phương pháp chọn mẫu là ngẫu nhiên phân tầng không tỉ lệ.

## 4. Kết quả nghiên cứu

Khi nghiên cứu về thực trạng đọc của sinh viên khoa CTXH đã khảo sát 6 khía cạnh sau: Tần suất đọc, thời gian đọc trung bình/ngày, thời điểm đọc, thể loại đọc, dạng sách/tài liệu, nguồn đọc.

### 4.1. Tần suất đọc

Để nghiên cứu về tần suất đọc, nghiên cứu đã đưa ra các mức: Hàng ngày, 2-3 lần/tuần, 1 - 2 lần/tháng, 1 - 2 lần/năm và phương án khác. Sinh viên lựa chọn mức tần suất phù hợp.

Bảng 1: Kết quả khảo sát tần suất đọc của sinh viên khoa Công tác xã hội

Mức tần suất	Khóa 4 (%)	Khóa 5 (%)	Khóa 6 (%)	Khóa 7 (%)	Toàn khoa (%)
1. Hàng ngày	43.3	56.7	46.7	20.0	41.7
2. 2 – 3 lần/tuần	20.0	20.0	6.7	36.7	20.8
3. 1 – 2 lần/tháng	26.7	16.7	20.0	33.3	24.2
4. 1 – 2 lần/năm	0	3.3	26.7	6.7	9.2
5. Khác	10.0	3.3	0	3.3	4.2
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Kết quả thống kê cho thấy, tỉ lệ sinh viên đọc hàng ngày cao nhất chiếm 41.7% cao hơn rất nhiều so với các phương án khác. Tỉ lệ lựa chọn cao thứ hai là mức 1 - 2 lần/tháng chiếm (24,2%), sau đó là mức 2/3 lần/tuần (chiếm 20,8%), số sinh viên chọn đọc 1 - 2 lần/năm chiếm 9,2% và chọn phương án khác chiếm 4,2%. Như vậy, sinh viên khoa CTXH đọc thường xuyên, phần lớn các sinh viên có thói quen đọc hàng ngày.

Việc đọc thường xuyên mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên. Sinh viên càng đọc nhiều thì càng thu được nhiều kiến thức, thông tin. Theo Kim Anderson (2011), khả năng đọc được công nhận là một yếu tố tạo nên sự thành công của sinh viên. Những sinh viên đọc thường xuyên có xu hướng trở thành những sinh viên giỏi (Krashren, 2009).

Đối chiếu về tần suất đọc giữa các khóa sinh viên có thể thấy sinh viên năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư đọc thường xuyên hơn so với những sinh viên năm thứ nhất. Số sinh viên năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư đọc hàng ngày nhiều nhất và cao hơn rất nhiều so với những sinh viên lựa chọn các mức tần suất khác trong khi đó, với các sinh viên năm thứ nhất, mức tần suất được lựa chọn nhiều nhất là 2-3 lần/tuần.

Đối với sinh viên khoa CTXH có quan tâm đến việc đọc, nhiều sinh viên của khoa đọc hàng ngày. Tuy vậy, tần suất đọc có sự khác nhau giữa các khóa, sinh viên khóa 4, khóa 5 và khóa 6 đọc hàng ngày trong khi đó sinh viên khóa 7 chỉ đọc 2 - 3 lần/tuần.

#### 4.2. Thời gian đọc trung bình/ngày

Trong câu hỏi tìm hiểu về thời gian đọc trung bình/ngày của sinh viên, có bốn khoảng thời gian đã được đưa ra: dưới 30 phút, từ 31 phút - 1 giờ, từ 1 giờ - 2 giờ và trên 2 giờ. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2: Kết quả khảo sát thời gian đọc sách trung bình/ngày của sinh viên khoa Công tác xã hội

Thời gian đọc trung bình/ngày	Khóa 4 (%)	Khóa 5 (%)	Khóa 6 (%)	Khóa 7 (%)	Toàn khoa (%)
1. Dưới 30 phút	23.3	50.0	40.0	36.7	37.5
2. Từ 31 phút – 1h	46.7	26.7	20.0	33.3	31.7
3. từ 1h – 2h	10.0	20.0	10.0	20.0	15.0
4. Trên 2h	20.0	3.3	30.0	10.0	15.8
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên khoa Công tác xã hội (khoảng 2/3 sinh viên) dành trên 30 phút/ngày cho việc đọc. Đã có rất nhiều nghiên cứu trên thế giới chỉ ra rằng mỗi ngày chỉ cần dành 30 phút để đọc đã có thể tạo ra những tác động rất tích cực đối với sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của con người. Một nghiên cứu của tác giả Josie Billington (2015) tại nước Anh đã chỉ ra, những người thường đọc sách ít nhất 30 phút/tuần hài lòng với cuộc sống hơn 20%, cảm thấy sáng tạo hơn 11%, nguy cơ họ mắc chứng trầm cảm cũng thấp hơn 11%.

Trong 4 khóa sinh viên, kết quả khảo sát đã chỉ ra sinh viên khóa 4 - sinh viên năm thứ tư là nhóm sinh viên dành thời gian cho việc đọc nhiều hơn những khóa còn lại (trung bình 1 giờ - 2 giờ/ngày). Bên cạnh đó, kết quả thu về từ bảng 3.1 báo cáo, sinh viên năm thứ tư dành thời gian đọc hàng ngày. Từ hai phát hiện này có thể suy ra, sinh viên năm thứ tư đọc thường xuyên và dành nhiều thời gian cho việc đọc nhất. Năm cuối là khoảng thời gian sinh viên hoàn thành các học phần cuối cùng của chương trình học, một số sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học hoặc làm khóa luận tốt nghiệp. Đây cũng là khoảng thời gian sinh viên cần đẩy mạnh việc trau dồi kiến thức - kỹ năng để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động. Điều này giải thích lí do sinh viên khóa 4 đọc thường xuyên hơn và dành nhiều thời gian đọc hơn là sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba.

Tóm lại, sinh viên khoa Công tác xã hội có quan tâm đến việc đọc, đa số sinh viên dành hơn 30 phút/ngày cho việc đọc. So sánh về thời gian đọc trung bình giữa các khóa, sinh viên khóa 4 dành nhiều thời gian để đọc nhất (từ 1 giờ đến 2 giờ) trong khi đó, sinh viên khóa 5, khóa 6 và khóa 7 chỉ dành dưới 30 phút/ngày để đọc.



### 4.3. Thời điểm đọc

Bảng dưới đây trình bày kết quả thu được về thời điểm đọc của sinh viên khoa Công tác xã hội.

Bảng 3: Kết quả khảo sát về thời điểm đọc của sinh viên khoa Công tác xã hội

Thời điểm	Khóa 4 (%)	Khóa 5 (%)	Khóa 6 (%)	Khóa 7 (%)	Toàn khoa (%)
1. Buổi sáng	30.0	20.0	40.0	20.0	27.5
2. Buổi trưa	13.3	43.3	20.0	13.3	22.5
3. Buổi chiều	33.3	46.7	43.3	43.3	41.7
4. Buổi tối	60.0	66.7	76.7	56.7	65.0
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>

Phần lớn sinh viên khoa Công tác xã hội chủ yếu đọc vào buổi tối, đạt 65%. Trong mỗi khóa sinh viên, tỉ lệ lựa chọn phương án đọc vào buổi tối cùng chiếm trên 50%.

### 4.4. Dạng sách/tài liệu

Theo điều 2, Luật Lưu trữ năm 2011: “Tài liệu” là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

Trong bài viết này, tài liệu được phân thành hai dạng là tài liệu in ấn và tài liệu điện tử. Tài liệu in ấn bao gồm sách, báo, tạp chí, các ấn phẩm xuất bản bằng chữ. Tài liệu điện tử là các thông tin có sẵn dưới dạng có thể xử lý được bằng máy tính và trong đó tất cả các chức năng bổ sung, lưu trữ, bảo quản, tìm kiếm, truy cập và hiển thị đều sử dụng kỹ thuật số. Loại hình của tài liệu điện tử bao gồm: cơ sở dữ liệu, báo và tạp chí điện tử, sách điện tử, tài liệu ảnh, phim điện ảnh, ghi âm, ghi hình và kỹ thuật số.

Bảng 4: Kết quả khảo sát dạng tài liệu sinh viên khoa Công tác xã hội thường đọc

Định dạng	Khóa 4 (%)	Khóa 5 (%)	Khóa 6 (%)	Khóa 7 (%)	Toàn khoa (%)
1. In ấn	23.3	23.3	46.7	20.0	28.3
2. Điện tử	76.7	76.7	53.3	80.0	71.7
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>

Theo kết quả của cuộc khảo sát, số sinh viên thường đọc sách/tài liệu ở dạng điện tử cao gấp 2,5 lần so với số sinh viên thường đọc sách/tài liệu ở dạng in ấn.

Khi đối chiếu giữa các khóa, sinh viên khóa 4, khóa 5 và khóa 6 đều đọc ở định dạng điện tử và cao hơn gấp 4 lần số sinh viên chọn định dạng in ấn. Trong khi đó, ở khóa 6, không có sự chênh lệch lớn giữa tỉ lệ lựa chọn hai dạng sách/tài liệu.

Sinh viên chuyển dần từ đọc tài liệu in ấn sang tài liệu điện tử là xu hướng phát triển chung của các trường đại học trên thế giới hiện nay. Theo Tim Vandenhoeck (2013), việc chuyển từ đọc tài liệu in ấn sang tài liệu điện tử có thể thấy được rõ ràng nhất trong các trường đại học. Việc lưu trữ, truy cập và cung cấp cho sinh viên, nhà nghiên cứu trở nên dễ dàng.

Bên cạnh đó, thực trạng này cũng phù hợp với xu hướng phát triển văn hóa đọc của Việt Nam trong thời gian tới. Quyết định số 320/QĐ-NĐ/CP “Phê duyệt đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” ban hành ngày 15/03/2017 có đưa ra biện pháp để phát triển văn hóa đọc như sau: “Thí điểm và hình thành thư viện điện tử, phục vụ cộng đồng và nguồn học liệu mở cho trường học, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân tiếp cận, sử dụng thông tin, trí thức nhanh chóng, thuận tiện (điểm b, khoản 4, phần III).

Ngoài ra, tài liệu điện tử cũng có những ưu điểm như có thể đọc được ở mọi lúc, mọi nơi, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và tài nguyên, các ứng dụng sách điện tử miễn phí có thể được cài đặt trên Appstore hoặc Google Play Store (Diệp Tử khôi, 2016).

Những tài liệu điện tử có nhiều ưu điểm song những tài liệu in ấn vẫn có một vai trò quan trọng đối với quá trình học tập của sinh viên. Bởi lẽ, những thông tin trong tài liệu in đã được nghiên cứu, biên soạn và xuất bản. Tuy nhiên, một số sinh viên chỉ sử dụng tài liệu điện tử để học tập và làm bài kiểm tra. Một nữ sinh viên khóa 7 cho biết: “Khi làm bài thuyết trình, tớ sẽ gạch ra những ý chính, sau đó thì tìm thông tin trên internet vì giáo trình thì bao quát còn thuyết trình thì cần cụ thể nên tớ không đọc giáo trình” (mẫu phỏng vấn nữ sinh viên khóa 7). Một sinh viên khác chia sẻ “với những môn phải thi để đóng, tớ sẽ lên google để tìm kiếm thông tin thay vì đọc giáo trình” (mẫu phỏng vấn nữ sinh viên khóa 7). Những ý kiến này cho thấy, một số sinh viên chưa nhận thức được đầy đủ ưu- nhược điểm của mỗi loại tài liệu. Do vậy giúp sinh viên nhận thức đúng về đặc điểm và lợi ích của mỗi loại tài liệu, cách sử dụng tài liệu phù hợp trong quá trình học tập là một biện pháp cần được thực hiện.

Tóm lại, có thể khẳng định, sinh viên khoa Công tác xã hội chủ yếu đọc tài liệu/sách ở định dạng điện tử. Trong mỗi khóa, số sinh viên lựa chọn sách/tài liệu điện tử để đọc cũng cao hơn so với số sinh viên đọc ở dạng in ấn. Riêng đối với khóa 6, sự chênh lệch giữa tỉ lệ chọn hai dạng không lớn.

#### **4.5. Địa điểm đọc**

Địa điểm đọc mà sinh viên khoa Công tác xã hội chọn nhiều nhất là nhà/kí túc/phòng trọ và mọi nơi với cùng tỉ lệ lựa chọn là 48.3%, kế đó số sinh viên đọc ở thư viện/nhà sách là 25.0%, đọc trên phương tiện công cộng là 18.3% và điều đáng ngạc nhiên là tỉ lệ sinh viên đọc ở giảng đường thấp nhất chỉ chiếm 6.7%. Trong câu hỏi về thời điểm đọc, đa số các sinh viên báo cáo, họ đọc vào buổi tối, thời gian sinh viên không có giờ học trên giảng đường. Điều này giải thích lí do sinh viên lựa chọn địa điểm đọc ở nhà/phòng trọ/kí túc xá nhiều nhất.

Giảng đường là nơi sinh viên học tập, thực hành, rèn luyện để tiếp thu kiến thức mới. Do vậy, trong quá trình học tập trên giảng đường, ngoài phải tích cực nghe giảng, ghi chép,

đọc cũng là một hoạt động cần được thực hiện tích cực. Trong các phỏng vấn sâu, hầu hết các sinh viên đều chia sẻ rằng, giảng viên thường yêu cầu họ đọc trên lớp và thực hiện các hoạt động như trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tóm tắt nội dung tài liệu. Điều này khiến chúng tôi đặt ra câu hỏi “sinh viên làm gì khi giảng viên yêu cầu đọc” và “làm thế nào để sinh viên hoàn thành các nhiệm vụ do giảng viên đưa ra (thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi, viết tóm tắt). Như vậy, việc đọc tại giảng đường của sinh viên thực sự cần được nhìn nhận một cách nghiêm túc và cần được khắc phục. Để học tốt, ngoài việc tự học, tự đọc, sinh viên cũng cần tham gia đọc một cách tích cực khi ở trên giảng đường.

Kết quả thu được từ bảng hỏi về khía cạnh địa điểm đọc trong bài viết này có sự khác biệt với khảo sát của tác giả Trương Huyền Anh (2017). Trong nghiên cứu của tác giả Trương Huyền Anh tại trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, nhà trọ và giảng đường là hai địa điểm đọc phổ biến nhất của sinh viên.

#### **4.6. Nguồn đọc**

Về nguồn đọc, kết quả khảo sát cho thấy có 70.8% sinh viên lấy tài liệu/sách từ internet, có 36.7% mua từ hiệu sách/thư viện/hội sách, có 35.9% mượn của bạn bè, có 33.3% mượn từ thư viện và có 24.2% mượn từ thầy cô. Như vậy, sinh viên khoa Công tác xã hội chủ yếu lấy tài liệu/sách từ internet.

Kết quả thu được trong bảng 4 đã chỉ ra tỉ lệ sinh viên đọc tài liệu ở dạng điện tử cao hơn gấp 2,5 lần so với tỉ lệ sinh viên thường đọc tài liệu ở dạng in ấn. Do vậy, nguồn đọc phổ biến của sinh viên là internet là điều có thể dự đoán được.

Các tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy & Vũ Thị Thu Hiền (2017) và Karim & Hasan (2007), cũng có phát hiện tương tự khi nghiên cứu về thực trạng đọc của sinh viên trường đại học Công nghiệp Hà Nội và sinh viên Malaysia.

### **5. Kết luận và khuyến nghị**

Kết quả nghiên cứu về thực trạng đọc của sinh viên khoa CTXH đã chỉ ra rằng, về tần suất đọc, có nhiều sinh viên đọc hàng ngày. Về thời gian đọc trung bình/ngày, đa số sinh viên của Khoa CTXH đọc trên 30 phút. Về thời điểm đọc, sinh viên Khoa CTXH đọc chủ yếu vào buổi tối. Về dạng sách/tài liệu, phần lớn sinh viên đọc ở dạng điện tử. Thứ năm, địa điểm đọc, sinh viên thường đọc ở nhà/phòng trọ/kí túc xá. Cuối cùng, nguồn đọc phổ biến của sinh viên khoa CTXH là internet.

Trên cơ sở phân tích thực trạng đọc, nhóm tác giả khuyến nghị một số biện pháp nhằm nâng cao việc đọc cho sinh viên khoa Công tác xã hội như sau:

*Một là*, thành lập câu lạc bộ sách. Câu lạc bộ sách không phải là một ý tưởng mới để phát triển văn hóa đọc trong môi trường đại học song mô hình này vẫn là một mô hình hiệu quả để tạo ra một môi trường đọc và phát huy lợi thế của mỗi nhóm sinh viên. Trong câu lạc bộ sách, các thành viên có cơ hội giới thiệu cho nhau những cuốn sách/tài liệu hay, trao đổi thảo luận về sách, tổ chức các buổi gặp mặt tại café sách, giới thiệu cho nhau các địa điểm đọc



sách thú vị hay nơi mua sách rẻ trong thành phố... Bên cạnh đó, câu lạc bộ sẽ tận dụng được lợi thế của từng nhóm sinh viên. Sinh viên năm tư được đánh giá là nhóm đọc hàng ngày và dành nhiều thời gian đọc hơn các khóa khác, do vậy, họ rất phù hợp khi giữ vai trò là những thành viên chia sẻ về cách tạo lập và duy trì thói quen đọc.

*Hai là*, tổ chức các hoạt động liên quan đến việc đọc trong khoa, trong trường. Để nâng cao việc đọc cho sinh viên, Học viện có thể tổ chức các hoạt động để tạo hứng thú đọc cho sinh viên và thông qua đó giúp sinh viên nâng cao kiến thức kỹ năng và cập nhật thông tin liên quan đến chuyên ngành Công tác xã hội như thi hùng biện, tổ chức hội thảo sách, hướng dẫn sinh viên đọc hiệu quả, tổ chức thi chia sẻ về một cuốn sách ý nghĩa... qua đó khuyến khích sinh viên đọc.

*Ba là*, đưa “kỹ năng đọc hiệu quả” vào chương trình đào tạo kỹ năng cho sinh viên năm nhất. Hàng năm, bên cạnh chương trình chính khóa, Học viện tổ chức tuần học kỹ năng mềm cho sinh viên. Các kỹ năng được đào tạo đa dạng và hữu ích như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực, kỹ năng quản lý tài chính. Trên cơ sở kết quả khảo sát và tình hình thực tế, chúng tôi đề xuất bổ sung thêm “kỹ năng đọc” vào danh sách những kỹ năng được đào tạo trong tuần học kỹ năng của sinh viên năm nhất. Việc được trang bị kỹ năng này trong năm học đầu tiên của bậc đại học sẽ giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về vai trò và lợi ích của việc đọc, xác định mục đích đọc, mục đích học phù hợp, nắm được các phương pháp đọc hiệu quả với từng loại sách/tài liệu và nắm được các bước để hình thành và tạo thói quen đọc.....

*Bốn là*, phát triển thư viện số. Trên thực tế, Học viện Phụ nữ Việt Nam đã có một thư viện điện tử, tuy nhiên để thư viện tác động tích cực hơn đối với việc đọc của sinh viên, các cán bộ của Trung tâm công nghệ thông tin cần phát triển thư viện điện tử này bằng cách số hóa các tài liệu trước hết là tài nguyên nội sinh của Học viện gồm giáo trình, tập bài giảng, các bài báo khoa học, các khóa luận, báo cáo nghiên cứu phục vụ nhu cầu truy xuất tài liệu của sinh viên, nhà nghiên cứu. Bên cạnh đó, thư viện có thể liên thông với các thư viện đại học, thư viện cộng đồng để mở rộng nguồn tài nguyên.

*Năm là*, mở cửa thư viện vào buổi tối. Kết quả nghiên cứu về thời điểm đọc của sinh viên khoa Công tác xã hội cho thấy đa số các sinh viên khoa Công tác xã hội chủ yếu đọc buổi tối vì đây là khoảng thời gian sinh viên không phải lên lớp. Do đó, khuyến khích sinh viên đến thư viện đọc thường xuyên hơn, thư viện có thể mở cửa vào buổi tối, trong khung giờ từ 18h đến 21h.

### **Tài liệu tham khảo.**

Chính phủ (2017). Quyết định số 320/QĐ-TTg “phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng 2030” ngày 15/3/2017.

Quốc Hội (2011). Luật lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011

Bùi Thế Cường (2007). Các lý thuyết về hành động xã hội. *Tạp chí Khoa học xã hội* 2017.

Nguyễn Quang Ý (2010). Đại từ điển tiếng Việt. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Thị Thanh Thủy & Vũ Thị Thu Hiền (2017). Thực trạng và giải pháp phát triển văn hóa đọc của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. *Tạp chí Khoa học công nghệ số* 38, 2017
- Trương Huyền Anh (2017). *Quản lý văn hóa đọc của sinh viên trường đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật trung ương.*
- Chou. (2011). Understanding on-screen reading behaviors in academic contexts: a case study of five graduate English-as-a-second-language students. *Computer Assisted Language Learning, Vol.25, No.5.*
- Diep Tu Khoi (2016). *A survey into reading habits among vietnamese university. Retrieved October 28, 2017 from www.academica.edu.*
- Irvin, J.L. (1998). *Reading and middle school students: Strategies to enhance literacy. Needham heights, MA: Allyn Bacon.*
- Karim, N. S. A., & Hasan, A. (2007). Reading habits and attitude in the digital age: Analysis of gender and academic program differences in Malaysia. *The Electronic Library, Vol.25, No.3.*
- Krashen, S. (2004). *The power of reading: insights from the research (2<sup>nd</sup> Ed.), NH, Heinemann. Portsmouth,*
- Kim, J. Y., & Anderson, T. (2011). Reading across the curriculum: A framework for improving the reading abilities and habits of college students. *Journal of College Literacy & Learning, No.37.*
- Nur Ajmin Rosli, Nurul Fabbilah Razali, Zurin Umaira Ahmad Zamil. (2017). The determination of reading habits among students. *Internation Journal of Academic Research of Business and Social Sciences, Vol.7, No.12.*
- Sappington, J., Kinsey, K., & Munsayac, K. (2002). Two studies of reading compliance among college students. *Teaching of Psychology, Vol.29, No.4.*
- Wagner, S. (2002). The reading habits of teams. *Journal of Reading Today, No. 46.*